

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ THỦ CÔNG GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI HÀ NHÌ

TRẦN BÌNH

Người Hà Nhì cư trú chủ yếu ở huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu và xã Y Tý, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Nhìn chung đây đều là những khu vực núi đất, có độ dốc và độ chia cắt rất lớn. Cảnh quan môi trường nơi họ sinh sống rất đa dạng và phong phú. Mặc dù rừng ở đây còn tương đối nhiều, nhưng nếu nhìn ở khu vực Mường Tè (Lai Châu) độ che phủ của rừng còn tương đối khả quan thì ở khu vực Bát Xát (Lào Cai) lại ở vào tình trạng đáng lo ngại. Thời tiết nơi họ cư trú tương đối khắc nghiệt. Trong năm có hai mùa mưa và khô (nóng/lạnh) rõ rệt. Tuy ít hạn hán kéo dài, nhưng nơi họ sinh sống rất khó khăn cho việc triển khai tương đối tiêu các loại cây trồng, nhất là lúa. Phần lớn các điểm cư trú của cộng đồng dân này đều là vùng xa xôi, hẻo lánh (100% là các xã đặc biệt khó khăn). Nhiều khu vực ở Mường Tè hiện nay vẫn chưa có đường ô tô đến trung tâm xã. Đây chính là trở ngại lớn nhất cho việc phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng giao lưu kinh tế, văn hoá giữa người Hà Nhì với các dân tộc khác.

So với các dân tộc nói ngôn ngữ Tạng - Miến khác ở Việt Nam, người Hà Nhì có tập quán hoạt động kinh tế tương đối đa dạng. Khác với các dân cùng nhóm, họ làm ruộng nước giỏi hơn, có truyền thống xây dựng các hệ thống thủy nông trên núi... Chính vì thế mà họ là một trong số các cộng đồng nói ngôn ngữ Tạng - Miến có đời sống kinh tế khá hơn, có khả năng thích ứng, giao lưu và hoà nhập tốt hơn. Tuy nhiên, về thủ công gia đình của họ, cũng giống như các cộng

đồng nói ngôn ngữ Tạng - Miến khác, vẫn trong tình trạng kém phát triển.

1. Nghề đan lát

Tuy không chuyên nghiệp nhưng đa số nam giới Hà Nhì biết đan những đồ dùng thông thường trong gia đình. Nguyên liệu đan của họ chủ yếu là tre, nứa, giang, mây và song. Tất cả đều là nguyên liệu sẵn có trong các cánh rừng tại địa phương.

Kỹ thuật đan của người Hà Nhì tương đối đơn giản. Các loại đồ vật chủ yếu đều được đan theo kiểu lồng mốt (*zừ xhó*), lồng đôi (*nì zè di đạ*), lồng ba (*xú zè xí tí*), lồng thuyền (*á zù*): cất hai nan, đề năm nan và lồng mắt cáo (*me khá*)...

Sản phẩm đan của người Hà Nhì gồm:

Gùi thau (*kha thó*): đan bằng mây (*lù mề*), theo kiểu lồng mắt cáo (*me khá*). Thân gùi loại này thường cao khoảng 50cm, miệng tròn, có đường kính vào khoảng 45cm. Loại gùi dành cho đàn ông và đàn bà đều đan giống nhau. Để cho gùi chắc chắn, họ nẹp vào thân gùi hai chiếc nẹp (*đó mạ*) bằng song (*chù khà*). Nẹp được buộc vào thân gùi: bắt đầu từ mép miệng gùi bên này, vòng qua đáy kéo dài lên tận mép miệng gùi bên kia. Quai đeo của gùi được đan theo kiểu lồng đôi (*nì nè zì đạ*), có bề ngang rộng chừng 3cm. Gùi dành cho nữ được thiết kế để đeo vào trán (*u nì*) nên quai đeo dài hơn. Gùi dành cho nam giới được thiết kế quai đeo vào hai bên vai (*pà mị*) nên quai ngắn hơn. Trong khoảng 5cm phần thân giáp miệng gùi được đan theo kiểu lồng mốt

(*zừ xhó*). Gùi th-a là loại dụng cụ vận chuyển khá phổ biến nên mỗi thành viên đã đến tuổi lao động trong các gia đình đều phải có một chiếc.

Gùi dây (*be tọ*), là sản phẩm dành riêng cho phụ nữ sử dụng để vận chuyển thóc, ngô, gạo và các loại nông sản hạt nhỏ, hoặc các hàng hoá dạng bột khác. Gùi loại này có thân cao chừng 45 cm, miệng tròn có đường kính khoảng 35 – 40 cm, đ-ợc đan theo kiểu lồng đôi; phần đế gùi cao chừng 5cm đan theo kiểu lồng một; đáy gùi tròn, có đường kính vào khoảng 20 – 25 cm; quai gùi đ-ợc thiết kế để đeo vào trán, đan bằng giang có chiều rộng chừng 3-5 cm.

Ghế mây (*lù mè lút tà*), mặt tròn có đường kính khoảng 30 cm đ-ợc đan theo kiểu lồng ba (*xú zè xí tí*), để là một vòng song tròn có đường kính rộng hơn mặt ghế một chút, thân ghế cao 17 – 18 cm. Mặt ghế và thân ghế liên kết với nhau bằng những thanh tre chắc khoẻ, lắp ráp cách nhau chừng 6 - 7 cm/chiếc.

Chài (*ga che*), x-a kia đan bằng vỏ cây lấy trong rừng hoặc gai, hiện nay đan bằng dây nilông, hoặc c-óc. Đàn ông Hà Nhì là những ng-ời đan chài, nữ giới không đan loại sản phẩm này. Thoi cuộn sợi (*ca xà*) và cũng dùng làm kim đan đ-ợc làm bằng tre hoặc trúc. Cũ để đan (*a pè*) dài chừng 20 cm, có chiều ngang tùy theo độ rộng của mắt chài, cũng đ-ợc làm bằng tre, trúc. Loại chài th-a (*ga tha*) th-ờng đ-ợc đan với 50 mắt chiều rộng vòng trong ngang thân, chu vi -óc chừng 2,5m. Chài mau (*ga xó*), đan chiều ngang chu vi thân khoảng 45 mắt, -óc chừng 2m. Thân các loại chài th-ờng đan dài 2,5-3m. Đường kính vòng tròn *chân chài* th-a khoảng 5m, chài dài khoảng 4m. Một ng-ời đan giỏi, cũng phải mất 15 - 20 ngày mới có thể đan xong một chiếc chài. Chì và sắt (*ga xì*) buộc chân chài th-ờng mua ở các chợ trong vùng. Chũm chài đ-ợc buộc một sợi dây dài chừng 3 – 4 m để làm dây giữ chài khi quăng. Khi cất chài ở nhà họ buộc vào chũm chài một đoạn tre dài chừng 1

- 1,5 m (*ga phi x-a tá khó*) để làm dụng cụ treo chài trên vách nhà. Vị trí treo chài ở nhà, th-ờng ở phía ngoài vách sát đầu cầu thang lên xuống hàng ngày.

Vợt bắt cá (*- hò*), đan theo kiểu đan chài, x-a kia đan bằng sợi gai, nay đan bằng sợi bao dứa, hoặc dây nilông. Miệng vợt đan thành hình tròn có đường kính vào khoảng 50 – 70 cm. Phụ nữ Hà Nhì là ng-ời tự đan vợt để dùng. Đàn ông Hà Nhì không dùng vợt, nh-ng họ là ng-ời giúp nữ giới làm tay vợt.

Rọ bắt tôm (*té lu*), thân dài khoảng 40 cm đan theo kiểu lồng một, miệng lấy tôm ra có đường kính 5 cm, nắp hom có đường kính khoảng 15 cm. Hom rọ (*lu sừ*) đan theo kiểu lồng một, có hình chóp nón. Khi nhử tôm vào ban đêm, họ lấy lá cỏ thút nút chặt miệng rọ lại, bên trong rọ đặt mỗi nhử làm bằng x-ơng gia súc đã n-óng qua lửa cho thơm.

Tấm đập lúa (*gồ pu*), đan bằng giang, đan theo kiểu lồng đôi (*nì zè di đạ*). Mỗi tấm đập lúa th-ờng có kích th-ớc 3 m x 3 m. Đàn ông Hà Nhì là những ng-ời đan loại sản phẩm này. Sau mỗi mùa thu hoạch họ lại cuộn các tấm đập lúa cất trên gác. Trong các bản Hà Nhì ở M-ờng Tè (Lai Châu) gần đây cũng có ng-ời đan tấm đập lúa để bán. Mỗi tấm có giá 40.000-50.000 VNĐ (thời giá năm 2002).

Rá đựng com (*hù cù*), đan bằng giang, lớp trong đan theo kiểu lồng một (*zừ xhó*), lớp ngoài đan theo kiểu lồng đôi (*nì zè di đạ*). Thân cao chừng 25 cm, miệng tròn có đường kính chừng 30 cm, đế (*ai tò tò*) tròn có đường kính khoảng 20 cm. Cạp miệng và vành để làm bằng mây.

Chiếu mây (*gò pu*), x-a kia đ-ợc đan bằng mây, đan theo kiểu lồng đôi (*nì zè di đạ*), có kích th-ớc -óc khoảng 150 cm x 200 cm. Hiện nay loại sản phẩm này không đan nữa, vì thay vào đó là chiếu cói và chiếu nilông của ng-ời Kinh và của Trung Quốc.

Mâm ăn cơm (*tố khá*): mặt mâm có kích thước 50 cm x 70 cm, nan to đan theo kiểu lồng mốt (*zừ xhó*), hoặc lồng đôi (*nì zè di đạ*). Xung quanh mặt mâm đan viền vành (*mè kho*) theo kiểu đan lồng *mắt cáo* (*me khá*). Chân mâm cao khoảng 20 cm, đan bằng giang. Đàn ông Hà Nội là người đan mâm cho gia đình, phụ nữ không biết và không bao giờ đan loại sản phẩm này. Ngoài những chiếc mâm dùng để ăn cơm hàng ngày, mỗi gia đình Hà Nội thường có một mâm chuyên dùng khi cúng (*làm lý*). Loại mâm dùng để cúng cũng được chế tác tự nhiên, mâm bình thường, nh- ng có kích thước mặt mâm nhỏ hơn (40 cm x 60 cm). Người Hà Nội ở Bắc Xát (Lào Cai), lại đan và sử dụng loại mâm hình tròn, giống nh- mâm của các dân tộc Mông – Khơ me, Tày, Thái, Giáy... trong vùng.

Vỉ dĩa cơm (*hồ tcha*), đan bằng nan giang chế rất nhỏ và mỏng, theo kiểu lồng đôi (*nì zè di đạ*) có hoa văn x-ong cá. Loại sản phẩm này đan thành hình vuông, kích thước 60 x 60cm.

Mẹt để phơi hoặc làm gạo (*gá ma*), đan bằng nan giang, nửa, đan theo *lồng thuyền* (*á zù*): cất hai nan, đè năm nan. Mẹt được làm có dạng hình tròn, đường kính khoảng 70 cm – 75 cm, cặp làm bằng tre, buộc bằng mây.

Sàng (*gà chì*), dùng để sàng gạo, ngô giã, sắn giã... có đường kính khoảng 40 cm – 50 cm, đan bằng nan giang. Phần giữa sàng đan theo kiểu lồng đôi (*nì zè di đạ*) thành hình vuông, mỗi cạnh 40-45 cm. Các góc còn lại đan lồng đôi nh- ng theo kiểu hoa văn x-ong cá. Cặp làm bằng tre, buộc bằng mây, mỗi nút buộc (*mè công*) cách nhau chừng 3-3,5cm.

Nón mây (*nà h-*), có dạng hình chóp, cặp nón có đường kính chừng 40cm, mái nón chia làm 3 múi, có nếp cho cứng; đan bằng nan giang nhỏ và mỏng, theo kiểu lồng đôi (*nì zè di đạ*) kết hợp lồng ba (*xú zè xí tí*). Phía bên trong nón lót lá dong (*bi pạ*) hoặc mo nang b-ong, vầu. Lốp

trong cùng đan mắt cáo th- a để giữ lớp lót, phần sát cặp ở lớp trong cùng đan lồng mốt dày sít. Quai nón đan bằng nan giang hoặc làm bằng vải, có chiều rộng chừng 2,5-3cm.

Rá vo gạo (*xé phi*), đan bằng nan giang cứng, được đan thành hình nh- chiếc gầu xúc của người Kinh (cặp hình chữ U, miệng thẳng, phần đựng gạo khi vo sâu nhất - ớc chừng 15cm, sau đó giảm dần tới miệng thì độ sâu bằng không. Loại sản phẩm này thường đan theo kiểu lồng mốt (*zừ xhó*) hoặc lồng đôi (*nì zè di đạ*), cặp làm bằng tre, buộc bằng mây.

Rá dĩa cơm và đựng cơm (*hồ khá*), có hai phần chính: thân hình nón cụt đặt ngược cao chừng 20cm, đan hai lớp, lớp trong đan lồng đôi (*nì zè di đạ*), lớp ngoài đan lồng *mắt cáo* (*me khá*), miệng hình tròn có cặp bằng song đường kính - ớc chừng 50 cm; đáy hình nón cụt đặt úp cao chừng 5cm, cặp đáy bằng song hình tròn, có đường kính chừng 40cm.

Quạt nan (*co na*), dùng để rê thóc, đan bằng nan giang hoặc nan tre theo kiểu lồng đôi, có hình chữ nhật hoặc hình lục giác dẹt, cán bằng tre được lồng kẹp ngang thân quạt. Sản phẩm này do đàn ông Hà Nội đan là chính.

Bao đựng dao (*nha be*), đan bằng nan tre, nan giang theo kiểu lồng mốt, thân có hình trụ dẹt, dài chừng 35cm, miệng bao hình bầu dục, có dây đeo tết bằng sợi gai hoặc sợi bao dứa. Loại sản phẩm này dành riêng cho nam giới Hà Nội.

Muôi để vớt các loại bánh và đồ ăn nóng đang nấu trong nồi sôi (*za la za cù*), đan bằng nan giang, nan tre, theo kiểu lồng mốt th- a lỗ vuông, có miệng hình ô van lệch, có chuôi tròn dài chừng 15 cm, thân muỗng dài chừng 15cm. Trong các dịp cúng bái hay lễ tết, người Hà Nội hay dùng loại muỗng này để vớt bánh trôi.

Rổ đựng kim chỉ của phụ nữ (*nạ mu tó khụ*), được đan bằng nan giang theo kiểu lồng mốt xen

hoa văn mắt cáo, có kiểu dáng nh- chiếc rá đựng cơm. Miệng rổ hình tròn, có đ-ờng kính vào khoảng 25cm. Phía trên miệng đ-ọc lồng quai xách đan bằng mây theo kiểu lồng ba. Đáy của loại sản phẩm này đ-ọc làm t-ong đối cầu kỳ: đó là hai thanh gỗ đ-ọc lắp ráp với nhau thành hình chữ thập, có chiều cao chừng 3-5cm.

Ngoài ra, ng-ời Hà Nhì ở Bát Xát (Lào Cai) còn đan các loại sản phẩm: thúng đựng ngô lúa (*kha be*), sọt (*thà chi*)... Nếu so sánh thì các loại sản phẩm đan lát của ng-ời Cống kém phong phú về mẫu mã và ít thẩm mỹ hơn so với đồ đan của ng-ời Hà Nhì.

2. Một số nghề khác

Dệt vải và may mặc

Việc dệt vải của ng-ời Hà Nhì x- a kia cũng nh- hiện nay, không phát triển lắm. Theo các cụ già, x- a kia vì quá nghèo đói, họ không có đủ quần áo để mặc. Phần lớn đàn ông quanh năm chỉ cởi trần, mặc quần đùi hoặc đóng khố. Chỉ những phụ nữ trong các gia đình khá giả mới dệt vải. Kỹ thuật dệt cũng nh- kinh nghiệm trồng bông, kéo sợi của họ t-ong đối đơn giản.

Bông (*xà là, xà thà*) gieo hạt vào tháng hai - tháng ba. Sau khi làm cỏ khoảng hai lần, bông đ-ọc thu hoạch trong khoảng từ tháng tám đến tháng m-ời. Những công việc trên do phụ nữ làm là chính. Tr-ớc khi kéo thành sợi, bông đ-ọc cán sạch hạt, bạt cho thật xốp, đánh thành con, sau đó kéo thành sợi. Sợi cuộn thành con, mang đi giặt cho mềm và bớt xù lông. Sau khi phơi khô và mang hồ bằng n-ớc cháo loãng, sợi đ-ọc phơi thật khô tr-ớc khi dệt. Bộ công cụ kéo sợi của họ không khác gì của ng-ời Thái, nh-ng đơn giản hơn.

Nghề mộc của ng-ời Hà Nhì không phát triển lắm. Trong các gia đình Hà Nhì, nam giới th-ờng chỉ làm các loại vật dụng đơn giản: ghế đôn để ngồi, chõ đồ xôi (*xạ vò*), gậy chọc lỗ, thân và

cánh nỏ (*ca*), bàn gỗ (*đó kha*), thớt (*khò the*), cối gỗ để giã (*thò chu*), diệp cày, tay cày, bấp cày, vai và ách trâu (*nhù shè*), bừa (*nhù cạ*), thùng đựng n-ớc... So với ng-ời Hà Nhì ở M-ờng Tè (Lai Châu), ng-ời Hà Nhì ở Bát Xát (Lào Cai) giỏi hơn nhiều trong việc làm các loại thùng đựng n-ớc, chõ đồ xôi...

Nghề rèn của ng-ời Hà Nhì cũng là một trong những nghề thủ công gia đình không phát triển. Theo Nguyễn Văn Huy, vào những năm 1970 cả xã Y Tý (Bát Xát, Lào Cai) chỉ có một lò rèn duy nhất chuyên sửa chữa các loại nông cụ, ở thôn Chỏn Thèn. Nghề rèn lúc đó chỉ duy nhất có một ông cụ biết làm, tất cả những ng-ời có nhu cầu và đến lò sửa nông cụ đều có thể trở thành thợ phụ việc. Công cụ hành nghề rèn bao gồm: búa rèn (*xó zì zì phò*), đe (*xó zì zì zà*), kim (*xó là nhu*), khuôn đúc l-ỡi cày (*nhũi shè hà pò*), và ống bể thổi lửa... Lò rèn này hàng năm chỉ hoạt động một hai tháng tr-ớc mùa cày cấy, làm n-ong...⁽¹⁾

3. Một vài nhận xét

Nhìn chung hoạt động thủ công gia đình của ng-ời Hà Nhì, x- a kia cũng nh- ngày nay ch- a khi nào trở thành hoạt động có thu nhập đáng kể so với trồng trọt và chăn nuôi của họ. Quy mô sản xuất nhỏ lẻ, quản lý, tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hoàn toàn do gia đình tự lo liệu. Đây là hoạt động chỉ mang tính tranh thủ những khi rỗi rãi, hoặc khi nông nhàn. □ họ ch- a xuất hiện làng nghề và đội ngũ thợ thủ công chuyên nghiệp. Trong tình hình hiện nay, khi mà giao l- u buôn bán của nền kinh tế thị tr-ờng đang len lỏi tới tận các vùng sâu, vùng xa, các loại hàng hoá đ-ọc t- th-ong mang đến bán tận các bản, một số nghề thủ công gia đình của họ đang đứng tr-ớc thách thức rất lớn (dệt may, rèn đúc...).

⁽¹⁾ Nguyễn Văn Huy. *Văn hoá và nếp sống Hà Nhì - Lô Lô*. NXB. Văn Hoá, Hà Nội, 1985, trang 62.

So với các dân tộc láng giềng khác không thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến nh- Hmông, Thái, Dao... thủ công gia đình của ng-ời Hà Nhì nhìn chung có phần kém phát triển hơn. Nếu nh- ng-ời Hmông có nghề rèn đúc, ng-ời Thái có nghề dệt may rất nổi tiếng, thì ng-ời Hà Nhì không có nghề thủ công nào phát triển đến mức nh- vậy. Nhiều loại nông cụ, dụng cụ gia đình, thậm chí cả vải vóc, họ cũng phải mua, hoặc dùng sản vật để đổi. Tuy không phải tất cả đều biết kéo sợi dệt vải, nh- ng trong các bản ng-ời Hà Nhì vẫn có những phụ nữ biết làm việc này. Không có những ng-ời làm nghề rèn chuyên nghiệp, nh- ng trong các bản đôi khi vẫn có lò rèn để sửa chữa nông cụ. Nghề mộc x- a kia không phát triển, họ chỉ biết dựng những ngôi nhà sàn, lắp ráp bằng gỗ đơn sơ, hoặc làm những thứ đồ dùng bằng gỗ đơn giản, tạm bợ. Gần đây, dệt vải đang có xu h-ớng mai một; đan lát là nghề đã từng phát triển khá nhất của họ, hiện nay cũng có xu h-ớng mai một nhanh. Mặc dù vậy, x- a kia cũng nh- hiện nay, thủ công gia đình chỉ là một hoạt động kinh tế hỗ trợ. Tuy vậy, với nền kinh tế trồng trọt khép kín, hoàn toàn mang tính tự cấp, tự túc của ng-ời Hà Nhì, thủ công gia đình của họ là hoạt động không thể thiếu. Nó sẽ còn tồn tại, chỉ khi nào nền kinh tế của họ chuyển sang sản xuất hàng hoá, chuyên môn hoá, tính khép kín hoàn toàn đ-ợc loại bỏ... thì vai trò và vị trí của thủ công gia đình của họ mới thay đổi, hoặc mất đi.

C- trú trong khu vực rất đa dạng về thành phần tộc ng-ời, việc giao l- u, ảnh h-ớng lẫn nhau giữa ng-ời Hà Nhì và các tộc ng-ời khác là không tránh khỏi. Cũng nh- các lĩnh vực khác, thủ công gia đình của ng-ời Hà Nhì chịu ảnh h-ớng rất nhiều từ ng-ời Thái (M- ờng Tè, Lai Châu), ng-ời Hmông, ng-ời Tày (Bát Xát, Lào Cai). Những ảnh h-ớng đó biểu hiện ở nhiều khía cạnh: kỹ thuật chế tác, kiểu dáng sản phẩm, chức năng của các sản phẩm... Tuy nhiên, những kiêng kỵ, nghi lễ liên quan đến thủ công gia đình của họ đ-ợc bảo l- u khá bền vững, rất ít chịu ảnh h-ớng từ các cộng đồng khác.

Các kỹ thuật hiện đại có chiều h-ớng du nhập ngày càng nhanh và mạnh vào các hoạt động m- u sinh của ng-ời Hà Nhì, trong đó có thủ công gia đình. Đáng chú ý nhất là các kỹ thuật mới đ-ợc mang đến từ ng-ời Việt (Kinh). Phải thừa nhận rằng: kỹ thuật mộc trong xây dựng nhà cửa, đóng đồ dùng gia đình (gi- ờng, tủ, bàn, ghế...), kỹ thuật cắt may, nấu r- ọu ngô... của ng-ời Việt, đ-ợc các dân tộc thiểu số, trong đó có ng-ời Hà Nhì, tiếp thu rất nhiều và nhanh. Những kỹ thuật mới này đang thay thế những kỹ thuật cổ truyền ở một số nghề thủ công gia đình của họ. Hiện t- ợng này về khía cạnh kinh tế là đáng mừng, nh- ng về khía cạnh bảo l- u văn hoá tộc ng-ời thì lại tỏ ra có những tác động tiêu cực đáng chú ý. Chính vì thế, vấn đề là ở chỗ, làm thế nào để hoà nhập, tiếp thu cái mới, thúc đẩy kinh tế phát triển, nh- ng lại giữ gìn, phát huy đ-ợc các giá trị văn hoá truyền thống. Đó có lẽ là h-ớng phát triển cần có trong t- ợng lai, đối với các nghề thủ công gia đình của ng-ời Hà Nhì và các cộng đồng dân tộc thiểu số khác.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Huy. *Văn hoá và nếp sống Hà Nhì - Lô Lô*. NXB. Văn Hoá, Hà Nội, 1985.
2. Mai Thuỳ Liên – Lê Đình Lai. *Xa nhà ca (Tr- ờng ca dân tộc Hà Nhì)*, NXB Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2001.
3. Tạ Văn Thông. *Tiếng Hà Nhì*, NXB. Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2001.
4. Mai Thanh Sơn. *Kinh nghiệm sử dụng đất trồng của ng-ời Hà Nhì Đen (khảo sát tại thôn Lao Chải I, xã Y Tý, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai)*, Tạp chí Dân tộc học, số 3/2002.
5. Viện Dân tộc học. *Các dân tộc ít ng-ời ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*. Nxb. KHXH, Hà Nội, 1978.
6. Viện Dân tộc học. *Những biến đổi về kinh tế - văn hoá các tỉnh miền núi phía Bắc*. Nxb. KHXH, Hà Nội, 1996.